|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG | | **ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN** | | | |
| **KHOA: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN** | | | Học kỳ: 3 | Năm học: | **2021 - 2022** |
| Mã học phần: DKT0041 Tên học phần: THUẾ | | | | | |
| Mã nhóm lớp HP: | 213\_DKT0041\_01\_ lần 2 | | | | |
| Thời gian làm bài: | 60 (phút) | | | | |
| Hình thức thi: | **Trắc nghiệm kết hợp tự luận ( SV được sử dụng tài liệu)** | | | | |
|  | | | | | |
| **PHẦN TRẮC NGHIỆM ( 6 điểm)**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Hoạt động nào của Công ty TNHH Hùng Cường thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu**  **A.** Bán 1 lô hàng cho công ty cổ phần Thuật Phát trong khu chế xuất Tân thuận.  **B.** Bán 1 lô hàng cho công ty ABC trong khu công nghiệp Tân Bình.  **C**. Mua 1 lô nguyên liệu của công ty FUSEN tại Hàn Quốc.  **D**. Tất cả đều đúng  ANSWER:A  **Hoạt động nào của Công ty TNHH Hùng Cường thuộc đối tượng chịu thuế nhập khẩu**  **A.** Bán 1 lô hàng cho công ty XYZ tại Vũng Tàu  **B**. Mua 1 lô hàng của công ty Thanh Thanh trong khu chế xuất Linh Trung  **C**. Công ty Thanh Thanh trong khu chế xuất Linh Trung mua 1 lô hàng của công ty Hùng Cường  **D**. Mua 1 lô hàng của công ty Thanh Thanh trong khu chế xuất Linh Trung và Công ty Thanh Thanh trong khu chế xuất Linh Trung mua 1 lô hàng của công ty Hùng Cường  ANSWER: B  **Công ty thuốc lá Thăng Long nhập khẩu sợi thuốc lá theo hợp đồng số 020320 với số lượng 1.000 tấn theo điều kiện FOB với giá 100.000 USD, chi phí vận chuyển 5.000 USD. Thuế suất thuế nhập khẩu 30%, thuế suất thuế GTGT 10%. Tỷ giá hải quan 20.000 VND/USD. Hỏi giá tính thuế nhập khẩu của lô hàng là:**  **A.** 105.000 USD x 20.000 VND  **B**. (105.000 USD x 20.000 VND) x 30%  **C**. 105.000 USD x 30%  **D**. Tất cả đều sai  ANSWER:A  **Công ty thuốc lá Thăng Long nhập khẩu sợi thuốc lá theo hợp đồng số 020320 với số lượng 1.000 tấn theo điều kiện FOB với giá 100.000 USD, chi phí vận chuyển 5.000 USD. Thuế suất thuế nhập khẩu 30%, thuế suất thuế GTGT 10%. Tỷ giá hải quan 20.000 VND/USD. Hỏi tiền thuế nhập khẩu của lô hàng là:**  **A.** 105.000 USD x 20.000 VND  **B**. (105.000 USD x 20.000 VND) x 30%  **C**. 105.000 USD x 30%  **D**. Tất cả đều sai  ANSWER:B  **Cơ sở tính thuế (đôi tượng chịu thuế) gián thu là:**  **A.** Tài sản,thu nhập, hàng hóa, dịch vụ  **B.** Thu nhập, hàng hóa, dịch vụ  **C**. Hàng hóa, dịch vụ  **D**. Tất cả đều đúng  ANSWER:C  **Doanh nghiệp sản xuất bán 2.000 lít rượu 20 độ với giá có thuế GTGT 10% là 28.600đ/lít, thuế suất thuế TTĐB là 30%. Giá tính thuế GTGT của doanh nghiệp là:**  **A**. 2.000 lít x 28.600 đ  **B**. 2.000 lít x 28.600 đ/ (1+10%)  **C**. 2.000 lít x 28.600 đ/ (1+30%)  **D**. Tất cả đều sai  ANSWER:B  **Doanh nghiệp sản xuất bán 2.000 lít rượu 20 độ với giá chưa có thuế GTGT 10% là 28.000đ/lít, thuế suất thuế TTĐB là 40%. Giá tính thuế TTĐB của doanh nghiệp là:**  **A**. 2.000 lít x 28.000 đ  **B**. 2.000 lít x 28.000 đ/ (1+10%)  **C**. 2.000 lít x 28.000 đ/ (1+30%)  **D**. Tất cả đều sai  ANSWER:C  **Công ty I chuyển 1 lô hàng cho đại lý F, giá bán chưa có thuế GTGT theo đúng quy định của công ty I đưa ra là 70 triệu đồng, thuế GTGT của lô hàng là 10%. Hoa hồng công ty I trả cho công ty F là 5%/giá bán chưa có thuế GTGT, thuế GTGT của tiền hoa hồng là 10%. Hỏi giá tính thuế GTGT của lô hàng là:**  **A**. 70.000.000 đồng  **B**. 70.000.000 đồng x 10%  **C**. 70.000.000 đồng/ (1+10%)  **D**.70.000.000 đồng x 5%  ANSWER:A  **Công ty I chuyển 1 lô hàng cho đại lý F, giá bán chưa có thuế GTGT theo đúng quy định của công ty I đưa ra là 70 triệu đồng, thuế GTGT của lô hàng là 10%. Hoa hồng công ty I trả cho công ty F là 5%/giá bán chưa có thuế GTGT, thuế GTGT của tiền hoa hồng là 10%. Hỏi giá tính thuế GTGT của công ty F là:**  **A**. 70.000.000 đồng  **B**. 70.000.000 đồng x 5% = 3.500.000 đồng  **C**. 70.000.000 đồng/ (1+10%) = 7.000.000 đồng  **D**. Tất cả đều sai.  ANSWER:B  **Công ty X trong kỳ sản xuất được 100.000 SP G (được sản xuất từ 100% nguyên liệu nhập khẩu đã nộp thuế nhập khẩu 300 triệu đồng). Sau đó,công ty X xuất khẩu 30.000 sản phẩm G sang nước ngoài. Hỏi khi xuất khẩu 30.000 sản phẩm G công ty X được:........................ tương ứng với tỷ lệ với tỷ lệ thực tế xuất khẩu.**   1. Giảm thuế xuất khẩu 2. Hoàn thuế nhập khẩu 3. Giảm thuế nhập khẩu 4. Hoàn thuế xuất khẩu   ANSWER:B  **Theo hình thức lữ hành, hợp đồng ký với khách hàng theo giá trọn gói (ăn, ở, đi lại) : Giá tính thuế = giá trọn gói/ 1+ thuế suất. Hoạt động này là công ty Lữ hành ....**   1. Bán chương trình du lịch trong nước cho người Việt Nam 2. Bán chương trình du lịch nước ngoài cho người Việt Nam 3. Bán chương trình du lịch trong nước cho người nước ngoài 4. Tất cả các đáp án trên   ANSWER: A  **Khoản chi có hóa đơn, chứng từ hợp pháp nào sau đây là khoản chi phí được trừ khi tính thuế TNDN:**   1. Khoản chi được bù đắp bằng nguồn kinh phí khác. 2. Thù lao trả cho người sáng lập viên trực tiếp tham gia điều hành sản xuất kinh doanh. 3. Phần thuế GTGT đầu vào đã được khấu trừ. 4. Khoản trích trước vào chi phí không đúng quy định của pháp luật.   ANSWER: B  **Công ty A có chi phí trích trước sữa chữa TSCĐ thuộc bộ phận quản lý là 200 trđ. Trong năm thực tế đã chi sửa chữa TSCĐ là 180 trđ. Khi tính thuế TNDN Công ty A được:**   1. Tính vào chi phí 180 trđ. 2. Tính vào chi phí 200 trđ. 3. Tính vào chi phí 200 trđ và 20 trđ tính vào doanh thu. 4. Không được đưa vào chi phí được trừ.   ANSWER: A  **Khoản chi có hóa đơn, chứng tư hợp pháp nào sau đây là khoản chi phí không được trừ khi tính thuế khi thu nhập doanh nghiệp:**   1. Phần giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường . 2. Phần chi trả tiền vay vốn sản xuất kinh doanh của NHTM không vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay . 3. Các khoản tiền phạt về vi phạm hành chính . 4. Các khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế .   ANSWER: C  **Khoản thu nhập nào sau đây là thu nhập không chịu thuế TNCN:**   1. Phụ cấp độc hại. 2. Tiền lương làm thêm ngoài giờ. 3. Tiền thưởng nhân dịp tế Nguyên đán. 4. Tiền thưởng năng suất theo tháng.   ANSWER: A  **Theo pháp luật hiện hành không thu thuế TNCN đối với các khoản sau:**   1. Lãi tiền cho vay vốn. 2. Lãi tiền gởi tiết kiệm. 3. Thu nhập từ mua trái phiếu, kỳ phiếu, cổ phiếu. 4. Tất cả đều đúng.   ANSWER: B  Công ty An Bình kinh doanh nông sản, trong kỳ công ty có bán 100 tấn lúa giống cho công ty Hoa Mai, với giá bán 5.000.000đ/tấn, chọn câu trả lời đúng:   1. Giá tính thuế GTGT = 5.000.000 x 100. 2. Tiền thuế GTGT phải nộp = 5.000.000 x 100 x thuế suất thuế GTGT. 3. Công ty không tính thuế GTGT phải nộp vì lúa giống là đối tượng không chịu thuế GTGT. 4. Công ty An Bình phải nộp thuế GTGT từ việc bán lúa giống theo quy định.   ANSWER: C  **Căn cứ vào phương thức huy động thì thuế giá trị gia tăng có thể xếp cùng nhóm với sắc thuế nào sau đây:**   1. Thuế tiêu thụ đặc biệt. 2. Thuế tài nguyên. 3. Thuế thu nhập cá nhân. 4. Thuế thu nhập doanh nghiệp.   ANSWER: A  **Thuế gián thu là loại thuế:**   1. Được tính vào giá bán hàng hóa, dịch vụ. 2. Người tiêu dùng là người chịu thuế. 3. Người bán là người nộp nhưng không phải là người chịu thuế. 4. Cả 3 câu đều đúng.   ANSWER: D  **Người nộp thuế có trách nhiệm trực tiếp nộp tiền thuế cho Nhà nước, có nghĩa là:**   1. Người nộp thuế thực hiện nộp tiền thuế vào cơ quan thuế. 2. Người nộp thuế thực hiện nộp tiền thuế vào kho bạc nhà nước. 3. Người nộp thuế thực hiện nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước. 4. Cả 3 câu đều đúng.   ANSWER: D  **PHẦN TỰ LUẬN (4 điểm)**  ***Gợi ý:*** **Cách thức nộp bài phần tự luận:** SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi, chỉ gõ nhập đáp án (không nhập công thức tính)   |  | | --- | | *Dữ liệu câu hỏi trắc nghiệm điền khuyết:* | | Trích tài liệu của Công ty Cổ phần Thiên Thanh, trong năm 2021 có tình hình sau: | | **I. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ TRONG NĂM:** | | 1. Xuất khẩu 30.000 gói bánh Pía nhân sầu riêng đậu xanh, giá bán tại cửa khẩu Việt Nam 72.000 đồng/gói (giá FOB ) | | 2. Giao cho đại lý 25.000 gói bánh pía kim sa đậu đỏ, đại lý bán đúng giá theo hợp đồng với doanh nghiệp X theo giá chưa bao gồm thuế GTGT là 85.000 đồng/gói; hoa hồng đại lý 5% trên giá bán chưa thuế GTGT. | |  | | **II. CHI PHÍ PHÁT SINH TRONG NĂM:** | | 1.         Chi phí giá vốn hàng bán trong kỳ là: 2.700 triệu đồng | | 2.         Chi phí khấu hao TSCĐ thuộc bộ phận quản lý doanh nghiệp và bán hàng 90 triệu đồng. | | 3.         Chi phí tiền lương bộ phận quản lý doanh nghiệp và bán hàng 250 triệu đồng. | | 4.         Chi nộp BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN cho cơ quan chức năng theo tỷ lệ quy định. | | 5.         Chi thanh toán tiền hoa hồng cho đại lý theo số sản phẩm đại lý đã tiêu thụ. | | 6.         Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ tính vào chi phí hoạt động 32 triệu đồng | | 7.         Chi phí hợp lý khác: Thuộc bộ phận quản lý doanh nghiệp và bán hàng: 260 triệu đồng. | | 8. Tiền thuế xuất khẩu | | **III. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC** | | 1. Nộp tiền phạt do lái xe công ty vi phạm lỗi vượt đèn đỏ 7 triệu đồng | | 2. Thu được tiền lãi tiền gửi trong kỳ là 85 triệu đồng | | **Tài liệu bổ sung:** | | - Các khoản chi của doanh nghiệp X đều có hóa đơn, chứng từ đầy đủ. | | - Tính đến cuối 31/12/20xx, đại lý quyết toán đã tiêu thụ 100% số lượng sản phẩm được giao, số thừa đại lý đã xuất trả doanh nghiệp X. | | - Thuế suất thuế xuất khẩu 1%. | | - Thuế suất thuế GTGT hàng xuất khẩu 0%. Thuế suất thuế GTGT mặt hàng B là 10%. | | - Thuế suất thuế TNDN 20%. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | **Nội dung câu hỏi** | **Đáp án** | **ĐVT** | | 1 | Tiền thuế xuất khẩu phải nộp | 21,600,000 | đồng | | 2 | Số lượng hàng hóa tiêu thụ trong kỳ | 55,000 | Sản phẩm | | 3 | Tiền thuế GTGT của lô hàng xuất khẩu phải nộp | - | đồng | | 4 | Thu nhập khác của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ | 85,000,000 | đồng | | 5 | Chi phí hoa hồng phải trả cho đại lý | 106,250,000 | đồng | | 6 | Chi phí bảo hiểm bắt buộc của BPQL được đưa vào chi phí được trừ | 58,750,000 | đồng | | 7 | Chi phí không được trừ | 7,000,000 | đồng | | 8 | Tổng chi phí được trừ khi tính thuế TNDN trong kỳ là | 3,518,600,000 | đồng | | 9 | Thu nhập chịu thuế trong kỳ là: | 851,400,000 | đồng | | 10 | Tiền thuế TNDN phải nộp trong kỳ | 170,280,000 | đồng | | | | | | | | |

*Ngày biên soạn: 29/06/2022*

**Giảng viên biên soạn đề thi: ThS. Đào Tuyết Lan**

*Ngày kiểm duyệt:*

**Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi: THS. Nguyễn Thị Thu Vân**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, **Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn** gửi về Trung tâm Khảo thí qua email:[khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com)bao gồmfile word và file pdf (được đặt password trên 1 file nén/lần gửi) và nhắn tin password + họ tên GV gửi qua Số điện thoại Thầy Phan Nhất Linh (**0918.01.03.09**).

Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng File Hot Potatoes. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ thêm Quý Thầy Cô.